

**HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CHO VAY
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây viết tắt là Nghị định số 74/2019/NĐ-CP).

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn vốn NHCSXH huy động; áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH, khách hàng vay vốn NHCSXH để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

2. Đối tượng cho vay

2.1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh)

2.2. Người lao động

3. Nguyên tắc cho vay

3.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;

3.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.

4. Điều kiện cho vay

4.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp;

b) Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, duy trì hoặc thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

c) Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

d) Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có). 

4.2. Đối với người lao động

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- c) Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

5. Mức cho vay

5.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

5.2. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng.

5.3. Mức vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

6. Lãi suất cho vay

6.1. Lãi suất cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; người lao động bằng lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo (hiện nay là 7,92%/năm).

6.2. Các trường hợp sau đây được cho vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định tại Điểm 6.1. Khoản này.

a) Người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật;

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật;

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

6.3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

8. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của NHCSXH.

9. Phương thức cho vay và thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn

9.1. Phương thức cho vay 

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch (PGD) NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

b) Đối với người lao động

- Người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do cơ quan Trung ương của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam quản lý: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp cho người lao động tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay;

- Người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý; Nguồn vốn do NHCSXH huy động và nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) theo quy định hiện hành của NHCSXH.

9.2. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn

a) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý: Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt;

b) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do cơ quan Trung ương của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý (sau đây gọi chung là tổ chức thực hiện chương trình): Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt;

c) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do NHCSXH huy động và nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

10. Thủ tục và quy trình cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay

10.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh gửi 02 bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay, gồm:

- Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có xác nhận của UBND cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp các giấy tờ sau: (i) Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng

nhận đăng ký doanh nghiệp; (ii) Đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; (iii) Đối với Tổ hợp tác là Hợp đồng hợp tác; (iv) Đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Riêng Tổ hợp tác và Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: Văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định:

(i) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: Bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

(ii) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số: Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số, bản sao chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

(iii) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số: Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số, bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của những người lao động là người dân tộc thiểu số và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách.

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp khoản vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

b) Quy trình cho vay

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn của cơ sở sản xuất kinh doanh, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, lập 02 liên báo cáo thẩm định theo mẫu 05a/GQVL, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt:

(i) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý thì Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký duyệt hồ sơ vay vốn và lập tờ trình mẫu 16/GQVL trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt, cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay. Nếu không phê duyệt cho vay thì trả

lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi cho vay có cơ sở thông báo cho cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mẫu số 04a/GQVL;

(ii) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do NHCSXH huy động và nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm thì Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt cho vay. Nếu không phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay gửi cơ sở sản xuất, kinh doanh thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 04a/GQVL.

- Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay hoặc Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý vốn, NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/GQVL. Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay thì NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và đăng ký biện pháp bảo đảm tiền vay theo các quy định hiện hành của NHCSXH. Sau đó, cán bộ tín dụng được Giám đốc NHCSXH phân công tập hợp hồ sơ trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân. NHCSXH thực hiện giải ngân tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

Báo cáo thẩm định và các Hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm, nhưng phải tuân thủ nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán 01 bộ làm căn cứ giải ngân, 01 bộ gửi cho cơ sở sản xuất kinh doanh. Riêng báo cáo thẩm định theo mẫu số 05a/GQVL: 01 liên lưu tại bộ phận kế toán, 01 liên lưu tại bộ phận tín dụng.

- Trước khi phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhập kho bản gốc Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã công chứng và các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành (nếu có).

10.2. Đối với người lao động vay vốn từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội Người mù Việt Nam quản lý

- Người vay vốn viết 02 liên Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo mẫu số 1a ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã theo nội dung: (i) Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương; (ii) Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) gửi NHCSXH nơi cho vay;

Riêng đối với người vay vốn từ nguồn vốn thuộc Hội Người mù quản lý thì gửi hồ sơ cho vay qua Hội Người mù cấp huyện, Hội Người mù cấp huyện nhận được hồ sơ của người vay vốn tiến hành họp để bình xét cho vay và lập danh sách đề nghị vay vốn NHCSXH, sau đó gửi hồ sơ vay vốn của người vay vốn kèm danh sách đề nghị vay vốn NHCSXH có xác nhận của Hội Người mù cấp huyện gửi NHCSXH nơi cho vay; 

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn của người vay vốn, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, lập 02 liên báo cáo thẩm định theo mẫu số 05b/GQVL, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, ký duyệt và lập tờ trình mẫu số 16/GQVL để trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt, cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay. Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cho vay để NHCSXH nơi cho vay có cơ sở thông báo cho người vay vốn theo mẫu số 04a/GQVL;

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý vốn, NHCSXH nơi cho vay cùng người vay vốn lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07b/GQVL, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân. NHCSXH thực hiện giải ngân tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

Báo cáo thẩm định và Hợp đồng tín dụng phải tuân thủ nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán 01 bộ làm căn cứ giải ngân, 01 bộ gửi cho người vay vốn. Riêng báo cáo thẩm định theo mẫu số 05b/GQVL: 01 liên lưu tại bộ phận kế toán, 01 liên lưu tại bộ phận tín dụng.

11. Thủ tục và quy trình cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ TK&VV theo quy định hiện hành của NHCSXH

- Người vay vốn viết 02 liên Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo mẫu số 1a ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP gửi Tổ TK&VV tại thôn, tổ dân phố (làng, ấp, bản, buôn, bon, phun, sóc... gọi chung là thôn; tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu... gọi chung là tổ dân phố) nơi mà người vay vốn đang cư trú hợp pháp;

- Nếu người vay vốn chưa là tổ viên của Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tại thôn, tổ dân phố nơi người vay vốn đang cư trú hợp pháp tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên, kể cả trường hợp người vay vốn thuộc hộ gia đình mà hộ gia đình đó đã là thành viên của Tổ TK&VV;

- Tổ TK&VV nhận hồ sơ vay vốn của người vay vốn, tiến hành họp tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, sau đó lập danh sách đề nghị vay vốn NHCSXH theo mẫu số 03/TD kèm Giấy đề nghị vay vốn trình UBND cấp xã xác nhận, sau đó gửi đến NHCSXH nơi cho vay;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra,

đổi chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt:

+ Đối với nguồn vốn do UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam) thì Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký duyệt trên danh sách theo mẫu số 03/TD và lập tờ trình theo mẫu số 16/GQVL để trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt, cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay. Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người vay vốn theo mẫu số 04a/GQVL;

+ Đối với nguồn vốn do NHCSXH huy động, nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm thì Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt cho vay trên mẫu 03/TD. Nếu không phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay gửi người vay vốn thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 04a/GQVL;

- Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay hoặc Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý vốn. NHCSXH nơi cho vay cùng người vay vốn lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07b/GQVL, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân;

- NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD cho UBND cấp xã để thông báo cho người vay đến điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay;

- Hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán 01 bộ làm căn cứ giải ngân, 01 bộ gửi cho người vay vốn.

12. Tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng vay vốn

12.1. Cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay

Thực hiện mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay. Việc mở tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH và thời điểm mở tài khoản tiền gửi thanh toán thực hiện trước khi NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay.

12.2. Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện mở tài khoản tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV theo quy định hiện hành. 

13. Tổ chức giải ngân

NHCSXH nơi cho vay có thể giải ngân một hay nhiều lần bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt do khách hàng vay vốn và Ngân hàng thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời yêu cầu khách hàng vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

Khách hàng vay vốn có trách nhiệm tuân thủ quy định về hóa đơn, chứng từ và lưu giữ hóa đơn, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay. Đối với trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay để mua hàng hóa của các đơn vị phải tuân thủ quy định về hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

14. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

14.1. Định kỳ hạn trả nợ

a) Đối với cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

b) Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng: Kỳ hạn trả nợ tối đa 6 tháng trả một lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

14.2. Trả lãi

NHCSXH thực hiện thu lãi hàng tháng đối với khách hàng vay vốn. Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

15. Thu nợ, thu lãi

15.1. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay

Khách hàng vay vốn chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán đã mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng;

15.2. Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội

NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và cách thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH về quy trình ủy thác, ủy nhiệm và giao dịch xã.

15.3. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn;

15.4. Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

16. Kiểm tra, giám sát

16.1. Đối với cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Ngoài ra, 

NHCSXH nơi cho vay có thể kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH nơi cho vay. Kết quả kiểm tra phải ghi vào Biên bản kiểm tra: (i) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mẫu số 06/GQVL; (ii) Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo mẫu số 06/TD.

16.2. Đối với cho vay trực tiếp người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/TD.

16.3. Việc thực hiện kiểm tra giám sát của chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với NHCSXH cấp huyện và bộ phận cho vay tại hội sở NHCSXH cấp tỉnh. Ngoài việc thực hiện kiểm tra theo quy định, thì:

a) Đối với những món vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 180 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng;

b) Đối với những món vay trên 500 triệu đồng đến 01 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 90 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng;

c) Đối với những món vay trên 01 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 30 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng.

Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, thủ tục cho vay; tính đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp của Hồ sơ vay vốn, Hồ sơ tài sản bảo đảm tiền vay; kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn về mục đích sử dụng vốn vay, hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay và kiểm tra các nội dung liên quan khác.

17. Xử lý nợ đến hạn

17.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thì trước 05 ngày đến kỳ hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo mẫu số 08/GQVL gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt được lưu tại bộ phận kế toán.

b) Đối với người lao động gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi thu vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo. 

17.2. Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng khách hàng vay vốn chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì viết Giấy đề nghị gia hạn nợ: (i) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mẫu số 09a/GQVL và đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo mẫu 09b/GQVL gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ để NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ; (ii) Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội: thực hiện theo thủ tục, quy trình hiện hành về gia hạn nợ thông thường đối với người vay vốn là tổ viên Tổ TK&VV theo mẫu số 09A/TD. Giấy đề nghị gia hạn nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt được lưu tại bộ phận kế toán.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trên 12 tháng.

17.3. Chuyển nợ quá hạn

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

b) Đối với người lao động

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu người vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

18. Xử lý các vi phạm

NHCSXH căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/GQVL; mẫu số 06/TD để quyết định xử lý như sau:

18.1. Tạm dừng cho vay: Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

18.2. Chấm dứt cho vay: Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay theo mẫu số 15/GQVL, NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ

trước hạn, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chấm dứt cho vay do người vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

18.3. Chuyển nợ quá hạn

a) Đối với trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, NHCSXH nơi cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

b) Đối với các trường hợp quy định tại Điểm 17.3. Khoản 17 văn bản này.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn theo mẫu số 14/GQVL áp dụng đối với phương thức cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cho vay, mẫu số 14/TD áp dụng cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền quản lý vốn phê duyệt dự án (nếu có) để tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chuyển nợ quá hạn do khách hàng vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

18.4. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn của kỳ hạn nợ cuối cùng hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

18.5. Khởi kiện trước pháp luật: NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

b) Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng; khách hàng vay vốn có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

c) Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo, gian lận;

d) Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật. 

19. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

20. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Việc hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

21. Tổ chức thực hiện

21.1. Chế độ báo cáo thống kê: Việc báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

21.2. Các dự án vay vốn về việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 08 tháng 11 năm 2019 được tiếp tục thực hiện theo văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc.

21.3. NHCSXH các cấp có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; tập huấn nghiệp vụ theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội, Tổ trưởng Tổ TK&VV và cán bộ UBND cấp xã. Đồng thời báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh, huyện để triển khai thực hiện.

21.4. Đối với nguồn vốn do NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, NHCSXH nơi nhận ủy thác căn cứ vào nội dung văn bản này tham mưu, thỏa thuận với bên ủy thác cho phù hợp.

22. Hiệu lực thi hành

22.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/11/2019 và thay thế văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH, văn bản số 4268/NHCS-TDSV ngày 29/9/2017 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH, văn bản số 1974/NHCS-TDSV ngày 11/4/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH và các nội dung trái với nội dung văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

22.2. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và các văn bản liên quan khác. 

22.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì NHCSXH thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Các thành viên HĐQT NHCSXH;
 - Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
 - Trường BDD HĐQT NHCSXH các cấp;
 - Hội LHPN VN;
 - Hội ND VN;
 - TW Đoàn TNCS HCM;
 - Hội CCB VN;
 - Tổng LĐLĐ VN;
 - Hội Người Mù VN;
 - Liên Minh Hợp tác xã VN;
 - Tổng Giám đốc, TBKS HĐQT;
 - Các PTGD, KTT;
 - Sở Giao dịch, CN NHCSXH các tỉnh, TP;
 - Các Phòng giao dịch NHCSXH huyện;
 - Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
 - Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
 - Website NHCSXH;
 - Lưu: VT, TDSV.
- để b/cáo
- để phối hợp thực hiện



Nguyễn Văn Lý

DANH SÁCH CÁC MẪU BIỂU

(Đính kèm văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm)

STT	Tên mẫu biểu	Nội dung mẫu biểu
1	1a	Giấy đề nghị vay vốn áp dụng cho người lao động theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP
2	2	Dự án vay vốn áp dụng cho cơ sở sản xuất, kinh doanh theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP
3	03/TD	Danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội
4	04/TD	Thông báo kết quả phê duyệt cho vay
5	04a/GQVL	Thông báo từ chối không cho vay
6	05a/GQVL	Báo cáo thẩm định áp dụng cho cơ sở SXKD
7	05b/GQVL	Báo cáo thẩm định áp dụng cho người lao động
8	06/GQVL	Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay áp dụng cho cơ sở SXKD
9	07a/GQVL	Hợp đồng tín dụng áp dụng cho cơ sở SXKD
10	07b/GQVL	Hợp đồng tín dụng áp dụng cho người lao động
11	08/GQVL	Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ áp dụng cho cơ sở SXKD
12	09a/GQVL	Giấy đề nghị gia hạn nợ áp dụng cho cơ sở SXKD
13	09b/GQVL	Giấy đề nghị gia hạn nợ áp dụng cho người lao động vay trực tiếp
14	14/GQVL	Thông báo chuyển nợ quá hạn cho vay trực tiếp
15	15/GQVL	Thông báo chấm dứt cho vay áp dụng cho cơ sở SXKD
16	16/GQVL	Tờ trình phê duyệt dự án vay vốn
17		Mẫu tham khảo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

Ghi chú: Các mẫu biểu số 06/TD, 09A/TD, 14/TD thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi cư trú:

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người khuyết tật ☐

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ☐

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....
.....

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ...
người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:, cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)

.....(1)

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp xã ghi rõ đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Người khuyết tật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:
.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Hoặc hợp đồng hợp tác số:
5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định
Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền
6. Mã số thuế:
7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)
Năm:
 - Tổng doanh thu: đồng
 - Tổng chi phí: đồng
 - Thuế: đồng
 - Lợi nhuận: ... đồngNăm:

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án:

Nơi thực hiện dự án:

2. Nội dung dự án

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):
.....
- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):..
.....
- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):
.....

b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo:
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo:
- Đầu tư trang thiết bị:
 - + Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):
 - + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động:người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có):người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu:đồng

- Tổng chi phí:đồng

- Lợi nhuận:đồng

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng .. năm ..

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền:đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:

4. Thời hạn vay: .. tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:đồng

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: đồng

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: đồng

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: đồng

6. Trả gốc: Trả lãi theo:

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tên tổ TK&VV:
Thôn:
Xã:
Huyện:

Mẫu số: 03/TĐ
Lập 02 liên chính:
(01 liên lưu hồ sơ Tổ tại NH,
01 liên lưu tại Tổ)

Tại cuộc họp ngày / /, Tổ Tiết kiệm và vay vốn đã tiến hành hợp bình xét các tổ viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Đơn vị: đồng, tháng

Đơn vị: đồng, tháng							
S T T	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV			Phê duyệt của Ngân hàng	
			Số tiền	Đối tượng	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
..							
	Cộng:						

Tổ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Phản xác nhận của UBND xã

Những người có tên trên đang cư trú hợp pháp
tại xã, thuộc diện

Ngày..... tháng năm

Phần xác nhận của UBND xã

Những người có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã, thuộc diện

UBND xã
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

Phê duyệt của Ngân hàng

Số người được vay vốn đợt này:..... người.
 Tổng số tiền cho vay: đồng.
 Số người chưa được vay đợt này:..... người, có số thứ tự trong danh sách là:.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng KH-NVTD
(Tổng trưởng KH-NV)**

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

CN NHCSXH (tỉnh,TP).....
PGD (quận,huyện).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04/TD
Lập 02 liên:
- 01 liên lưu Tổ,
- 01 liên lưu NH.

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (quận, huyện)..... thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo Danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội mẫu số 03/TD đính kèm.

Thời gian phát tiền vay vào.....giờ.....phút,
ngày.....tháng.....năm..... tại địa điểm.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân.....thông báo cho những người được vay vốn đến địa điểm và thời gian nêu trên để nhận tiền vay./.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:

Ngày.....tháng.....năm....., Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (quận, huyện)nhận được bộ hồ sơ đề nghị vay vốn để sử dụng vào việc.....của khách hàng vay vốn là.....

Căn cứ kết quả báo cáo thẩm định ngày.....tháng.....năm.....

Căn cứ thông báo từ chối cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý vốn (nếu có).....

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (quận, huyện)..... thông báo từ chối cho vay đối với khách hàng vay vốn làvì những lý do sau:

.....
.....

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã gửi cho Ngân hàng Chính sách xã hội, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (quận, huyện)....., địa chỉ.....trong giờ làm việc để nhận lại hồ sơ/.

Trân trọng thông báo! 

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CN NHCSXH (tỉnh, TP)..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PGD (quận, huyện)..... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
(Áp dụng cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

1. Tên dự án:.....
2. Họ và tên người đại diện vay vốn:.....Chức vụ:.....
3. Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
5. Điện thoại liên hệ:.....
6. Nơi thực hiện dự án:.....
7. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất¹:.....

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. THÔNG TIN CƠ BẢN²

1. Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Tên doanh nghiệp:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....
- Mã số doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Giấy phép/Giấy chứng nhận đủ điều kiện/chứng chỉ hành nghề số:³
.....thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm).....
- Số tài khoản thanh toán:tại Ngân hàng:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

¹ Nếu thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất thì điền một trong các nội dung: Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật; cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số; cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

² Điền theo một trong các đối tượng vay vốn cụ thể ở Điểm 1,2,3,4.

³ Đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. 

- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

2. Đối với hợp tác xã

- Tên hợp tác xã:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.....
- Số tài khoản thanh toán:.....tại Ngân hàng:.....
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:
- Chức danh:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:đồng.

3. Đối với tổ hợp tác

- Tên tổ hợp tác:
- Hợp đồng hợp tác số:do UBND xã, phường, thị trấn chứng thực.
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số tài khoản thanh toán:.....tại Ngân hàng:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:đồng.
- Họ và tên người đại diện theo ủy quyền:.....tại văn bản ủy quyền số:.....do.....ủy quyền.

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

4. Đối với Hộ kinh doanh

- Tên hộ kinh doanh:
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:.....
- Địa điểm kinh doanh:.....
- Điện thoại:.....
- Số tài khoản thanh toán:.....tại Ngân hàng:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:đồng.
- Họ và tên người đại diện hộ kinh doanh:.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Họ và tên người đại diện theo ủy quyền⁴.....tại văn
bản ủy quyền số:.....do.....ủy quyền.
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

1. Lịch sử phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...):

.....
.....
.....

2. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ...)

.....
.....
.....

3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)

.....
.....
.....

4. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

⁴ Mục này áp dụng cho hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên phải thực hiện văn bản ủy quyền theo quy định.

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

5. Điều tra thực địa (biển tên và biển hiệu; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

.....

.....

.....

.....

III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

1. Bảng tính toán lỗ, lãi

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

.....

2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				

9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét ,đánh giá :

.....
.....
.....

3. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có):.....người

Nhận xét, đánh giá:

.....
.....

IV. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Nội dung dự án

a) Đánh giá hiện trạng

- Đánh giá hiện trạng văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):
- Đánh giá hiện trạng nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):.....
- Đánh giá về hiện trạng trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):.....

b) Đánh giá Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Đánh giá về việc mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo:.....
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo:.....
- Đánh giá về đầu tư trang thiết bị, máy móc
 - + Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị).....
 - + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị).....
- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

2. Đánh giá về phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

- Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm (nếu có):người, trong đó:

2

- + Lao động nữ (nếu có): người.
- + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.
- + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: người. Trong đó:
 - + Lao động nữ (nếu có): người.
 - + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.
 - + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

3. Phân tích hiệu quả dự án và dự báo thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn
Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo dự án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
		Cách tính	Giá trị		
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Lợi nhuận				

* Các mục trên đều là số ước tính số thực thu, thực chi trong 1 năm dự án

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

- 4. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án:**.....đồng, trong đó:
- Vốn tự có:..... đồng
 - Vốn đề nghị vay Ngân hàng:đồng
- Sử dụng vào các việc:
-

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: Tháng.....năm.....

- 6. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:**
- Khấu hao tài sản từ vốn vay:.....đồng;
 - Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:.....đồng;
 - Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác:.....đồng;
 - Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là:.....đồng;

Nhận xét, đánh giá:.....

.....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

--	--	--	--

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị TSBĐ, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản).....

V. KẾT LUẬN: (đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, tính khả thi của dự án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, mục đích vay vốn, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):

B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

- Căn cứ dự án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định:
- ☐ Cán bộ tín dụng đề nghị Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:
 - ☐ Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (tỉnh, TP)/ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (quận, huyện)..... thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền quản lý vốn phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:
 - 1. Tổng số tiền đề nghị cho vay: đồng
Bằng chữ:
 - Từ nguồn vốn:.....
 - 2. Thời hạn cho vay tháng
 - 3. Lãi suất cho vay:..... %/năm; Lãi suất quá hạn:..... %/năm
 - 4. Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi: hàng tháng
 - 5. Tổng số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.....người
Trong đó:
 - Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm (nếu có):người, trong đó:
 - + Lao động nữ (nếu có): người.
 - + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.
 - + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.
 - Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: người, Trong đó:
 - + Lao động nữ (nếu có): người.
 - + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.
 - + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.
 - 6. Tiền vay sử dụng vào các việc:

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH (Ký, ghi rõ họ và tên)	TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD (TỔ TRƯỞNG KH-NV) (Ký, ghi rõ họ tên)	Ngày.....tháng.....năm..... GIÁM ĐỐC (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
---	--	---

CN NHCSXH (tỉnh, TP)...
PGD (quận, huyện).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
(Áp dụng cho vay đối với người lao động)

1. Họ và tên người vay vốn:.....
Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....Dân tộc:.....Giới tính:
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Điện thoại liên hệ:.....
Thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất:¹.....
Tên dự án:.....
Nơi thực hiện dự án:.....

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Đánh giá thực trạng lao động và nhu cầu vay vốn

a) Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:
..... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người.
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

b) Vốn thực hiện dự án:đồng, trong đó:

- Vốn tự có:.....đồng
- Vốn vay ngân hàng:.....đồng

Để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)
-----	--------------------------	----------	-------------------

¹ Nếu thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất thì điền một trong hai đối tượng: Người khuyết tật hoặc Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Nguồn trả nợ

- Hiệu quả của dự án, tăng thu nhập, tăng tích lũy để trả nợ vay.....
-
- Trả nợ từ các nguồn khác
-

3. Kết luận: (tính khả thi của dự án, số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, khả năng hoàn trả vốn):

.....

.....

.....

B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn và kết quả kiểm tra, thẩm định:

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (tỉnh, TP)/ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (quận, huyện)..... thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền đề nghị cho vay: đồng

Từ nguồn vốn:.....

2. Thời hạn cho vay tháng

3. Lãi suất cho vay: %/năm; Lãi suất quá hạn:..... %/năm

4. Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi: hàng tháng

5. Số lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:người.

Trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm mới (nếu có): người.

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

6. Tiền vay sử dụng vào việc:

.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH- NVTD

(TỔ TRƯỞNG KH-NV)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) 



BIÊN BẢN KIỂM TRA

(Áp dụng cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số

Căn cứ Hợp đồng bảo đảm tiền vay số

Hôm nay, ngày...../...../....., tại chúng tôi gồm:

I. Bên vay vốn:

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại liên hệ:.....
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền vay vốn là Ông (bà)..... Chức vụ.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
- Ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:.....

II. Đại diện chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....

- Ông (bà)..... Chức vụ:.....
- Ông (bà)..... Chức vụ:.....
-

Nội dung kiểm tra:

1. Về tình hình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến ngày kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: đồng.
- Tổng số tiền đã giải ngân: đồng.
- Lũy kế số nợ gốc đã trả: đồng.
- Dư nợ vay: đồng.
- Lãi trả đến ngày kiểm tra: đồng

2. Về mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....

3. Đánh giá về phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động:..... người, trong đó:

- Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm (nếu có): người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người. 

- + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.
- + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.
- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: người. Trong đó:
 - + Lao động nữ (nếu có): người.
 - + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.
 - + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

4. Về tình hình thực hiện dự án vay vốn và khả năng trả nợ

a) Tình hình thực hiện dự án vay vốn

.....

.....

b) Khả năng trả nợ

.....

.....

5. Về tài sản bảo đảm (nếu có).....

STT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng (nếu có)	Hiện trạng tài sản bảo đảm	Ghi chú

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm (nếu có).....

6. Ý kiến của cán bộ kiểm tra

.....

.....

7. Ý kiến của cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

KHÁCH HÀNG VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CÁN BỘ KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên) 

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/20.../HĐ-TD

(Áp dụng cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ văn bản số 3768/NHCS-TDSV ngày 28/8/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn thực hiện bảo đảm tiền vay trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

Căn cứ Quyết định phê duyệt cho vay số...../QĐ-.... ngày.... /...../..... củavề việc;¹

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

Bên vay ²

1. Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Tên doanh nghiệp:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

¹ Ghi rõ tên của cấp có thẩm quyền nếu dự án vay vốn thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý

² Điền theo một trong các đối tượng vay vốn cụ thể ở Điểm 1,2,3,4.



- Mã số doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Giấy phép/Giấy chứng nhận đủ điều kiện/chứng chỉ hành nghề số:³
.....thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm).....
- Số tài khoản thanh toán:tại Ngân hàng:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

2. Đối với hợp tác xã

- Tên hợp tác xã:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.....
- Số tài khoản thanh toán:.....tại Ngân hàng:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:đồng.
- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:
- Chức danh:
- Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

3. Đối với tổ hợp tác

- Tên tổ hợp tác:
- Hợp đồng hợp tác số:do UBND xã, phường, thị trấn chứng thực.
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số tài khoản thanh toán:.....tại Ngân hàng:.....
- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.
- Họ và tên người đại diện theo ủy quyền:.....tại văn bản ủy quyền số:.....do.....ủy quyền.
- Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

4. Đối với hộ kinh doanh

³ Đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. 

- Tên hộ kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:.....
 - Địa điểm kinh doanh:.....
 - Điện thoại:.....
 - Số tài khoản thanh toán:.....tại Ngân hàng:.....
 - Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:đồng.
 - Họ và tên người đại diện hộ kinh doanh:.....
 - Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
 Ngày cấp.....nơi cấp.....
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
 - Họ và tên người đại diện theo ủy quyền⁴:.....tại văn bản
 ủy quyền số:.....do.....ủy quyền.
 - Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
 Ngày cấp.....nơi cấp.....
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng
 (Bằng chữ:)
2. Mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho:.....người.
3. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/....../.....
4. Lãi suất tiền vay:
 - Lãi suất cho vay: %/ năm
 - Lãi suất quá hạn:..... %/năm

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế;

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc
 - Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
 - Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
 - Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
-

⁴ Mục này áp dụng cho hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên phải thực hiện văn bản ủy quyền theo quy định.



6. Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi. Bên vay có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

Điều 2. Phát tiền vay

1. Bên cho vay phát tiền vay một hay nhiều lần cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi lần nhận tiền vay, Bên vay phải mang Hợp đồng tín dụng này để các bên cùng ký xác nhận vào phụ lục hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Nếu Bên vay gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 1 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng Bên vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, Bên vay phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ để Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trên 12 tháng.

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

a) Tạm dừng cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

b) Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

c) Chuyển nợ quá hạn

-Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp đề đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

- Đối với các trường hợp quy định tại Khoản c Điều 4 Hợp đồng này.

Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi thông báo cho Bên vay, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

d) Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và Bên cho vay

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn của kỳ hạn nợ cuối cùng hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì Bên cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;
- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;
- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;
- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Bảo đảm tiền vay⁵

a) Tài sản bảo đảm làdo.....cấp.
Địa chỉ.....
Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

⁵ Áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên. 

b) Tổng giá trị tài sản bảo đảm là.....đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

c) Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

d) Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

đ) Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

e) Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

f) Bên vay không dùng tài sản nêu tại Khoản a Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoán thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động kinh doanh, tài sản bảo đảm, khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Thu giữ tài sản bảo đảm và xử lý tài sản theo hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ và/hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

6. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 8. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoán thuận;

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng này;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay về sử dụng vốn vay và trả nợ, tài sản bảo đảm tiền vay, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về trụ sở làm việc, người đại diện vay vốn, số điện thoại liên lạc và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay;

7. Bàn giao tài sản và phối hợp với Bên cho vay để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng này, hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật;

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

3. Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 10. Một số thỏa thuận khác

.....
.....

Điều 11. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY 
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HĐ-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/ năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

✓

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/20../HĐ-TD

(Áp dụng cho vay đối với người lao động)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

Căn cứ Quyết định phê duyệt cho vay số...../QĐ-.... ngày.... /...../..... của về việc;¹

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Họ và tên người đại diện:.....Chức vụ:

Bên vay

- Họ và tên người vay:Tuổi:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Điện thoại liên hệ:.....

¹ Ghi rõ tên của cấp có thẩm quyền nếu dự án vay vốn thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý. 

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng.

Bằng chữ:

2. Mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho:.....người.

3. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/....../.....

4. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ năm

- Lãi suất quá hạn:..... %/năm

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế;

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Bên vay có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp Bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

7. Thu nợ, thu lãi

- Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi.²

- Bên cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo quy định hiện hành của Bên cho vay³.

Điều 2. Phát tiền vay

1. Bên cho vay phát tiền vay một hay nhiều lần cho Bên vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi lần nhận tiền vay, Bên vay phải mang Hợp đồng tín dụng này để các bên cùng ký xác nhận vào phụ lục hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

² Áp dụng đối với phương thức cho vay trực tiếp

³ Áp dụng đối với phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức CT-XH 

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Trường hợp Bên vay gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng Bên vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, Bên vay phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ để Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trên 12 tháng.

c) Chuyển nợ quá hạn

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu Bên vay không trả hết số nợ gốc và không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

a) Tạm dừng cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

b) Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

- Đối với trường hợp quy định tại Khoản c Điều 4 Hợp đồng này.

Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi thông báo cho Bên vay, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật. 

d) Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoản thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoản thuận;

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng này;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay trong sử dụng vốn vay và trả nợ;

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

Điều 8. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật. 

3. Hợp đồng này và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 9. Một số thỏa thuận khác

.....
.....

Điều 10. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY 
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/ năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....
Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:.....
Ông (bà).....Chức vụ.....
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
Đã vay tại Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....
Số tiền: (Bằng chữ:.....)
Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....
Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày/...../..... làđồng.
Số tiền nợ gốc chưa trả được làđồng.
Vì lý do:.....
Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... thángnăm.....
Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....
Khách hàng vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là
- Thời gian điều chỉnh đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....
Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn.....
Ông (bà).....Chức vụ.....
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....tháng.....năm....., chúng tôi
đã được Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)
.....cho vay số tiền làđồng.
- Hạn phải trả vào ngày tháng năm.....
- Số tiền nợ gốc đã trảđồng.
- Số tiền nợ gốc chưa trả.....đồng.
Lý do chậm trả:.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)
.....cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày . . . tháng . . . năm
Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....
Khách hàng vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu (nếu có))

PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là
- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày .../.../.....
Ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Họ và tên người vay vốn:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....Dân tộc:.....Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

Nơi cư trú:

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....tháng.....năm....., tôi đã được Chi
nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH(quận, huyện).....
..... cho vay số tiền làđồng.

- Hạn phải trả vào ngày.....tháng.....năm.....

- Số tiền nợ gốc đã trảđồng.

- Số tiền nợ gốc chưa trả.....đồng.

Lý do chậm trả:.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH(quận,
huyện).....cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày ... tháng ... năm

Tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Người vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là

- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày .../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ
TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH(tỉnh,TP)...
PGD (quận, huyện)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 14/GQVL
NH lập: 02 liên
- 01 liên gửi KH;
- 01 liên lưu NH.

....., ngàytháng.....năm.....

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng sốngày tháng năm giữa
Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....
.....với khách hàng vay vốn là:

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)..... xin thông báo:

- Số nợ gốc đến hạn ngày.....tháng.....năm.....là.....đồng.

- Số tiền gốc đã trả.....đồng.

- Số tiền gốc chưa trả đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày tháng
nămlà.....đồng.

(Bằng chữ:).

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay tương ứng của các kỳ theo quy định.

Lý do chuyển nợ quá hạn:

.....
.....

Yêu cầu khách hàng vay vốn là.....tìm mọi biện pháp
sớm trả nợ số tiền nợ quá hạn nói trên cho Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng
giao dịch NHCSXH (quận, huyện)...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngàytháng.....năm.....

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY

Kính gửi:

Địa chỉ.....

Ngày.....tháng.....năm....., Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)..... và khách hàng vay vốn làđã ký Hợp đồng tín dụng sốngày...../...../..... để.....:

Mức duyệt cho vay:.....đồng, đã giải ngân số tiền là..... đồng và dư nợ đến ngày...../...../..... làđồng.

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)..... thông báo chấm dứt cho vay đối với khách hàng vay vốn là.....do đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../....., theo biên bản kiểm tra ngày/...../.....kèm theo, cụ thể:

-
-
-

Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo, Quý khách hàng phải thực hiện trả nợ trước hạn, nếu không thực hiện trả nợ, Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)..... thực hiện chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên.

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....thông báo để Quý khách hàng được biết./.

GIÁM ĐỐC 
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CN NHCSXH(tỉnh, TP)

PGD(quận, huyện).....

Số:...../TTr-NHCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

Kính trình:

Thực hiện Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và văn bản hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ vào kết quả thẩm định của Chi nhánh (Phòng giao dịch) NHCSXH tỉnh (huyện)..... đối với Giấy đề nghị vay vốn (dự án) hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (nếu có).

(1) Kèm theo bảng tổng hợp đề nghị phê duyệt dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm

(2) của cơ sở sản xuất kinh doanh/Người lao động:.....

Địa chỉ.....

Để thực hiện dự án vay vốn:.....

Mức đề nghị cho vay: đồng

Thời hạn cho vay tháng

Lãi suất cho vay: %/năm

Trả gốc:.....tháng/lần;

Trả lãi: Hàng tháng

Trên đây là đề nghị của Phòng giao dịch NHCSXH huyện.....

kính trình..... xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;

- Lưu: VT, NHCS.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: - (1) Đối với từ hai dự án trở lên

- (2) Đối với một dự án đơn lẻ

NHCSXH.....
NHCSXH huyện (tỉnh).....

TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT CHO VAY DỰ ÁN TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM
(Kèm theo Tờ trình số:...../TTr-NHCS ngày...../...../.....của Giám đốc NHCSXH tỉnh (huyện).....)

Đơn vị: Triệu đồng, %, lao động

STT	Họ tên khách hàng vay vốn	Nơi cư trú của khách hàng vay vốn	Nơi thực hiện dự án	Vốn vay thực hiện dự án					Số lao động thực hiện dự án				
				Số tiền vay	Thời hạn cho vay (tháng)	Lãi suất cho vay (%/năm)	Kỳ hạn trả nợ	Trả lãi	Tổng số	Số lao động được tạo việc làm	Lao động nữ (nếu có)	Lao động là người khuyết tật (nếu có)	Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc 
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức của HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm,

Xét đề nghị của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện tại Tờ trình số/TTr-NHCS ngày .../...../.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án vay vốn

(1) theo danh sách đính kèm bảng tổng hợp đề nghị phê duyệt dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm

(2)do Ông (Bà)làm chủ dự án, địa chỉ:....., cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: đồng
- Thời hạn: tháng
- Lãi suất:%/năm
- Trả gốc:.....tháng/lần; Trả lãi theo:.....

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện dự án theo đúng mục đích, nội dung đã nêu trong dự án. Đảm bảo vì mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trả nợ gốc và lãi đúng hạn và chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND huyện, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện....., Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn..... và ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- CT, PCT UBND huyện;
- PVP, VX, KTTH, TH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ghi chú: (1) Đối với từ hai dự án trở lên; (2) Đối với một dự án riêng lẻ

**ỦY BAN NHÂN NHÂN
HUYỆN.....**

TỔNG HỢP DANH SÁCH PHÊ DUYỆT CHO VAY DỰ ÁN TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM
(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày...../...../2.....của UBND.....)

Đơn vị: Triệu đồng, %, lao động

[illegible]